

THÔNG BÁO

Về việc xác định quy tắc quy đổi điểm tương đương các phương thức tuyển sinh (Phương thức 2, 3 và 4) trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2026 của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng (sau đây gọi tắt là Quy chế tuyển sinh của Bộ);

Căn cứ Quyết định số 678/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực Pháp luật trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 3037/QĐ-BGDĐT ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Kế hoạch triển khai công tác tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng năm 2026;

Căn cứ Công văn số 2304/BGDĐT-GDDH ngày 04 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng năm 2026;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh trình độ đại học, Thông tin tuyển sinh trình độ đại học và Kế hoạch tuyển sinh trình độ đại học năm 2026 của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Trường);

Căn cứ Thông báo số 577/TB-ĐHL ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường về Phương thức tuyển sinh trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2026;

Căn cứ Thông báo số 755/TB-ĐHL ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường về Hướng dẫn thí sinh đăng ký xét tuyển theo các Phương thức tuyển sinh trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2026 của Trường thực hiện việc cung cấp thông tin minh chứng bằng hình thức trực tuyến.

Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh thông báo quy tắc quy đổi điểm tương đương các phương thức tuyển sinh (Phương thức 2, 3 và 4) trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2026 như sau:

1. Về đối tượng thực hiện quy đổi điểm tương đương

Thí sinh thuộc đối tượng có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế hoặc kết quả Kỳ thi SAT của Mỹ xét kết hợp với điểm học bạ cấp THPT (Phương thức 2); thí sinh học tại các trường có tên trong “Danh sách 149 trường THPT thuộc diện ưu tiên xét tuyển năm 2026 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh” xét kết hợp với điểm học bạ cấp THPT (Phương thức 3); thí sinh có kết quả Kỳ thi V-SAT (Phương thức 4) đã thực hiện đăng ký khai báo thông tin trực tuyến theo đúng kế hoạch của Trường và có hồ sơ minh chứng hợp lệ, đủ điều kiện đăng ký xét tuyển.

2. Quy tắc quy đổi điểm

2.1. Quy đổi điểm học bạ cấp THPT tương đương với điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 theo từng tổ hợp môn (đối với Phương thức 2 và Phương thức 3)

Xây dựng công thức quy đổi điểm học bạ cấp THPT sang tương đương điểm thi tốt

nghiệp THPT năm 2026 theo từng tổ hợp môn cụ thể như sau:

a) Công thức quy đổi điểm tương đương:

$$y = x - k$$

Trong đó:

- y là điểm tổ hợp môn sau khi quy đổi tương đương;
- x là điểm tổ hợp môn của học bạ cấp THPT (trung bình cộng của 6 học kỳ);
- k là độ lệch điểm tổ hợp môn giữa điểm học bạ cấp THPT và điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026.

b) Độ lệch điểm tổ hợp môn (k) giữa điểm học bạ cấp THPT và điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 được xác định như sau:

Độ lệch điểm tổ hợp môn (k) giữa điểm học bạ cấp THPT và điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026														
A00	A01, D28,29,30	C00	D01,03 ,04,06	D07,23 ,24,25	D09,38 ,39,40	D10,18 ,19,20	D11,53 ,54,55	D12,48 ,49,50	D14,63 ,64,65	D15,43 ,44,45	X25,33 ,37,45	X26	X78,86 ,90,98	X79
4,50	5,00	4,00	3,80	3,50	3,50	4,50	4,30	4,00	3,50	4,50	5,00	3,50	4,80	3,50

- Ví dụ: học sinh có điểm học bạ cấp THPT tổ hợp môn D01 ($x = 28,0$ điểm); độ lệch điểm giữa học bạ cấp THPT và điểm thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp môn D01 là 3,80 điểm ($k = 3,80$ điểm). Áp dụng công thức quy đổi điểm tương đương tại Mục a nêu trên, điểm tổ hợp môn học bạ cấp THPT sau khi quy đổi sang điểm tổ hợp môn thi tốt nghiệp THPT của thí sinh này như sau:

$$y = x - k = 28,00 - 3,80 = 24,20$$

- Điều này có nghĩa là thí sinh có điểm tổ hợp môn D01 (Toán, Ngữ văn, tiếng Anh) của học bạ cấp THPT đạt 28,00 điểm sẽ tương đương với 24,20 điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026.

2.2. Quy đổi điểm thi V-SAT tương đương với điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 theo từng môn thi

a) Phương pháp thực hiện:

- Căn cứ Bảng quy đổi điểm thi các môn thi V-SAT sang tương đương điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 theo phương pháp bách phân vị, kết hợp phép nội suy tuyến tính để quy đổi các mức điểm tương đương theo thứ hạng phần trăm.
- Công thức nội suy tuyến tính:

$$y = c + \frac{(x - a)(d - c)}{(b - a)}$$

- Trong đó:

- + x là điểm V-SAT của thí sinh;
- + a, b là hai điểm mốc xác định khoảng điểm thi V-SAT ($a < x \leq b$);
- + y là điểm quy đổi tương đương điểm tốt nghiệp THPT năm 2026;
- + c, d là hai điểm mốc xác định khoảng điểm tốt nghiệp THPT năm 2026 tương ứng ($c < y \leq d$).

- Ví dụ, thí sinh có điểm thi V-SAT môn Toán $x = 125$ trong khoảng $122,5 < x \leq 129,5$, thuộc thứ hạng 10% nên $a = 122,5$; $b = 129,5$; $c = 8,5$ và $d = 9,0$. Áp dụng công thức nội suy tuyến tính:

Trên đây là thông báo về việc xác định quy tắc quy đổi điểm tương đương các phương thức tuyển sinh (Phương thức 2, 3 và 4) trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2026 của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh./.

Nơi nhận:

- Hội đồng tuyển sinh (*để biết*);
- Các đơn vị thuộc Trường (*để thực hiện*);
- Đăng Website Trường (*để thông tin*);
- Lưu: VT, P.ĐTĐH.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Trường Sơn
(Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh)

Phụ lục
KHOẢNG QUY ĐỔI ĐIỂM THI V-SAT
TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2026
CỦA CÁC MÔN THI THEO PHẦN VỊ
(Ban hành kèm theo Thông báo số 1107/TB-ĐHL ngày 08 tháng 7 năm 2026
của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh)

1. Môn Toán

Thứ hạng (%)	Toán	
	V-SAT ($a < x \leq b$)	THPT ($c < y \leq d$)
Điểm cao nhất	150,0	10,0
0.5%	$144,0 < x \leq 150,0$	$9,5 < y \leq 10,0$
1%	$140,5 < x \leq 144,0$	$y = 9,5$
2%	$136,5 < x \leq 140,5$	$9,0 < y \leq 9,5$
5%	$129,5 < x \leq 136,5$	$y = 9,0$
10%	$122,5 < x \leq 129,5$	$8,5 < y \leq 9,0$
20%	$113,0 < x \leq 122,5$	$8,25 < y \leq 8,5$
30%	$105,5 < x \leq 113,0$	$7,75 < y \leq 8,25$
40%	$98,5 < x \leq 105,5$	$7,5 < y \leq 7,75$
50%	$92,5 < x \leq 98,5$	$7,25 < y \leq 7,5$
60%	$86,0 < x \leq 92,5$	$6,75 < y \leq 7,25$
70%	$79,0 < x \leq 86,0$	$6,25 < y \leq 6,75$
80%	$71,5 < x \leq 79,0$	$5,75 < y \leq 6,25$
90%	$61,0 < x \leq 71,5$	$5,0 < y \leq 5,75$
> 90%	$0 < x \leq 61,0$	$0 < y \leq 5,0$

2. Môn Vật lý

Thứ hạng (%)	Vật lý	
	V-SAT ($a < x \leq b$)	THPT ($c < y \leq d$)
Điểm cao nhất	150,0	10,0
0.5%	$135,0 < x \leq 150,0$	$9,25 < y \leq 10,0$
1%	$131,0 < x \leq 135,0$	$9,0 < y \leq 9,25$
2%	$126,5 < x \leq 131,0$	$8,75 < y \leq 9,0$
5%	$119,0 < x \leq 126,5$	$8,35 < y \leq 8,75$
10%	$112,5 < x \leq 119,0$	$8,0 < y \leq 8,35$
20%	$103,5 < x \leq 112,5$	$7,25 < y \leq 8,0$
30%	$97,5 < x \leq 103,5$	$6,75 < y \leq 7,25$
40%	$92,0 < x \leq 97,5$	$6,25 < y \leq 6,75$
50%	$87,0 < x \leq 92,0$	$6,0 < y \leq 6,25$
60%	$82,0 < x \leq 87,0$	$5,5 < y \leq 6,0$
70%	$76,5 < x \leq 82,0$	$5,0 < y \leq 5,5$
80%	$70,0 < x \leq 76,5$	$4,35 < y \leq 5,0$
90%	$61,5 < x \leq 70,0$	$3,75 < y \leq 4,35$
> 90%	$0 < x \leq 61,5$	$0 < y \leq 3,75$

3. Môn Hóa học

Thứ hạng (%)	Hóa học	
	V-SAT ($a < x \leq b$)	THPT ($c < y \leq d$)
Điểm cao nhất	150,0	10,0
0.5%	$140,0 < x \leq 150,0$	$9,5 < y \leq 10,0$
1%	$136,5 < x \leq 140,0$	$9,25 < y \leq 9,5$

Thứ hạng (%)	Hóa học	
	V-SAT ($a < x \leq b$)	THPT ($c < y \leq d$)
2%	$132,0 < x \leq 136,5$	$y = 9,25$
5%	$125,0 < x \leq 132,0$	$8,75 < y \leq 9,25$
10%	$117,0 < x \leq 125,0$	$8,5 < y \leq 8,75$
20%	$107,0 < x \leq 117,0$	$8,0 < y \leq 8,5$
30%	$99,0 < x \leq 107,0$	$7,75 < y \leq 8,0$
40%	$92,5 < x \leq 99,0$	$7,35 < y \leq 7,75$
50%	$86,0 < x \leq 92,5$	$7,0 < y \leq 7,35$
60%	$80,0 < x \leq 86,0$	$6,6 < y \leq 7,0$
70%	$73,0 < x \leq 80,0$	$6,1 < y \leq 6,6$
80%	$66,0 < x \leq 73,0$	$5,5 < y \leq 6,1$
90%	$57,0 < x \leq 66,0$	$4,75 < y \leq 5,5$
> 90%	$0 < x \leq 57,0$	$0 < y \leq 4,75$

4. Môn Lịch sử

Thứ hạng (%)	Lịch sử	
	V-SAT ($a < x \leq b$)	THPT ($c < y \leq d$)
Điểm cao nhất	150,0	10,0
0.5%	$141,0 < x \leq 150,0$	$y = 10,0$
1%	$138,0 < x \leq 141,0$	$y = 10,0$
2%	$136,5 < x \leq 138,0$	$9,75 < y \leq 10,0$
5%	$131,0 < x \leq 136,5$	$9,5 < y \leq 9,75$
10%	$126,0 < x \leq 131,0$	$9,25 < y \leq 9,5$
20%	$119,0 < x \leq 126,0$	$8,75 < y \leq 9,25$
30%	$113,0 < x \leq 119,0$	$8,5 < y \leq 8,75$
40%	$108,0 < x \leq 113,0$	$8,1 < y \leq 8,5$
50%	$103,0 < x \leq 108,0$	$7,75 < y \leq 8,1$
60%	$97,5 < x \leq 103,0$	$7,35 < y \leq 7,75$
70%	$91,5 < x \leq 97,5$	$7,0 < y \leq 7,35$
80%	$85,0 < x \leq 91,5$	$6,5 < y \leq 7,0$
90%	$75,0 < x \leq 85,0$	$5,75 < y \leq 6,5$
> 90%	$0 < x \leq 75,0$	$0 < y \leq 5,75$

5. Môn Địa lý

Thứ hạng (%)	Địa lý	
	V-SAT ($a < x \leq b$)	THPT ($c < y \leq d$)
Điểm cao nhất	150,0	10,0
0.5%	$135,0 < x \leq 150,0$	$9,5 < y \leq 10,0$
1%	$134,0 < x \leq 135,0$	$9,0 < y \leq 9,5$
2%	$130,5 < x \leq 134,0$	$8,75 < y \leq 9,0$
5%	$125,0 < x \leq 130,5$	$8,5 < y \leq 8,75$
10%	$119,5 < x \leq 125,0$	$8,25 < y \leq 8,5$
20%	$112,0 < x \leq 119,5$	$7,75 < y \leq 8,25$
30%	$105,5 < x \leq 112,0$	$7,25 < y \leq 7,75$
40%	$100,5 < x \leq 105,5$	$7,0 < y \leq 7,25$
50%	$95,5 < x \leq 100,5$	$6,5 < y \leq 7,0$
60%	$90,5 < x \leq 95,5$	$6,25 < y \leq 6,5$
70%	$84,5 < x \leq 90,5$	$5,75 < y \leq 6,25$
80%	$77,5 < x \leq 84,5$	$5,35 < y \leq 5,75$
90%	$68,0 < x \leq 77,5$	$4,6 < y \leq 5,35$
> 90%	$0 < x \leq 68$	$0 < y \leq 4,6$

6. Môn tiếng Anh

Thứ hạng (%)	Tiếng Anh	
	V-SAT ($a < x \leq b$)	THPT ($c < y \leq d$)
Điểm cao nhất	150,0	10,0
0.5%	$142,0 < x \leq 150,0$	$9,25 < y \leq 10,0$
1%	$138,0 < x \leq 142,0$	$8,75 < y \leq 9,25$
2%	$135,0 < x \leq 138,0$	$8,5 < y \leq 8,75$
5%	$129,0 < x \leq 135,0$	$7,75 < y \leq 8,5$
10%	$121,5 < x \leq 129,0$	$7,25 < y \leq 7,75$
20%	$112,9 < x \leq 121,5$	$6,5 < y \leq 7,25$
30%	$105,5 < x \leq 112,9$	$5,75 < y \leq 6,5$
40%	$99,0 < x \leq 105,5$	$5,5 < y \leq 5,75$
50%	$92,5 < x \leq 99,0$	$5,0 < y \leq 5,5$
60%	$86,0 < x \leq 92,5$	$4,75 < y \leq 5,0$
70%	$78,5 < x \leq 86,0$	$4,25 < y \leq 4,75$
80%	$70,0 < x \leq 78,5$	$3,75 < y \leq 4,25$
90%	$59,5 < x \leq 70,0$	$3,25 < y \leq 3,75$
> 90%	$0 < x \leq 59,5$	$0 < y \leq 3,25$

7. Môn Ngữ văn

Thứ hạng (%)	Ngữ văn	
	V-SAT ($a < x \leq b$)	THPT ($c < y \leq d$)
Điểm cao nhất	150,0	10,0
0.5%	$133,5 < x \leq 150,0$	$9,0 < y \leq 10,0$
1%	$131,5 < x \leq 133,5$	$y = 9,0$
2%	$129,0 < x \leq 131,5$	$8,75 < y \leq 9,0$
5%	$125,0 < x \leq 129,0$	$8,5 < y \leq 8,75$
10%	$121,5 < x \leq 125,0$	$8,25 < y \leq 8,5$
20%	$116,5 < x \leq 121,5$	$8,0 < y \leq 8,25$
30%	$113,0 < x \leq 116,5$	$7,75 < y \leq 8,0$
40%	$109,5 < x \leq 113,0$	$7,5 < y \leq 7,75$
50%	$106,0 < x \leq 109,5$	$7,25 < y \leq 7,5$
60%	$102,5 < x \leq 106,0$	$7,0 < y \leq 7,25$
70%	$98,5 < x \leq 102,5$	$6,75 < y \leq 7,0$
80%	$93,5 < x \leq 98,5$	$6,25 < y \leq 6,75$
90%	$87,0 < x \leq 93,5$	$5,75 < y \leq 6,25$
> 90%	$0 < x \leq 87,0$	$0 < y \leq 5,75$